

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH HÀ NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2021/QĐ-PT

*Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2021*

**Quyết định**  
**PHÚC THẨM giải quyết VIỆC DÂN SỰ**

**V/v: “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản,  
phân chia tài sản chung để thi hành án”.**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Quốc Trường.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn San và ông Phạm Việt Hà.

*Thư ký phiên họp:* Ông Mai Hiền Tiến.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên họp:*** Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2021/TLPT-VDS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”.

Do Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2021/QĐDS-ST ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Phan Thị Ngọc L - Chức vụ: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Dương Thị M, sinh năm 1958.

+ Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1978.

+ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980.

+ Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1981.

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện B, tỉnh Hà Nam.

+ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1984; địa chỉ: Đội 3, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

- Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên họp có mặt bà M, anh Đ.

### **NỘI DUNG VỤ VIỆC NHƯ SAU:**

Theo Quyết định sơ thẩm, tài liệu trong hồ sơ, nội dung vụ việc như sau:

Tại Bản án số 03/2016/HSST ngày 27-01-2016 của Tòa án nhân dân huyện B và Bản án số 33/2016/HSPT ngày 19-5-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam cũng như Quyết định thi hành án chủ động số 169/QĐ-CCTHA ngày 08-6-2016 và Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 04/QĐ-CCTHADS ngày 15-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B thì ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1953, nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện B, tỉnh Hà Nam phải trả cho ông Hồ Văn M, bà Nguyễn Thị L số tiền là 400.000.000 đồng cùng tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí hình sự phúc thẩm, án phí dân sự sơ thẩm là 20.400.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ việc, ông Nguyễn Văn B không tự nguyện thi hành án, ngày 24-5-2019 ông B chết. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của ông Nguyễn Văn B và xác định hộ ông Nguyễn Văn B và Bà Dương Thị M được quyền sử dụng 03 thửa đất đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm thửa đất số 39(1), tờ bản đồ PL11, diện tích 276m<sup>2</sup>; thửa đất số 39(3), tờ bản đồ PL11, diện tích 240m<sup>2</sup>, hai thửa đất này đều là đất ở tại nông thôn, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất (đất trúng đấu giá) và thửa đất số 38(1), tờ bản đồ PL11, diện tích 420m<sup>2</sup>, đất ở tại nông thôn, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, trên thửa đất này có 01 ngôi nhà mái bằng 3 gian cũ và công trình phụ đã cũ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện B xác định toàn bộ 03 thửa đất nêu trên và tài sản gắn liền trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn B và Bà Dương Thị M hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn B để phân chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 07-12-2020 xác định: Diện tích đất 276m<sup>2</sup>, thửa số 39(1), tờ bản đồ PL11 có giá 828.000.000 đồng; diện tích đất 240m<sup>2</sup>, thửa số 39(3), tờ bản đồ PL11 có giá 720.000.000 đồng; diện tích đất

420m<sup>2</sup>, thửa số 38(1), tờ bản đồ PL11 có giá 2.100.000.000 đồng, tài sản nằm trên diện tích đất này là ngôi nhà mái bằng 01 tầng hình chữ L, diện tích 60m<sup>2</sup> có giá 104.580.000 đồng; ngoài ra còn 01 nhà cấp 4 và 01 bể chứa nước đều đã hết khấu hao không còn giá trị sử dụng. Tổng giá trị tài sản là 3.752.580.000đ (ba tỷ bảy trăm năm mươi hai triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng). Toàn bộ các tài sản nêu trên hiện đều không bị thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho tổ chức hoặc cá nhân.

Từ những nội dung trên, Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐDS-ST ngày 03-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện B quyết định: Căn cứ vào khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35 và các Điều 149, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 74, khoản 4 Điều 179 Luật Thi hành án dân sự; các Điều 158, 213, 219 của Bộ luật Dân sự; các Điều 29, 33, 34 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam về việc xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn B để thi hành án.

2. Xác định: Thửa đất số 38(1), tờ bản đồ PL11, diện tích 420m<sup>2</sup> đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, Bà Dương Thị M, tại Thôn V, xã C, huyện B, tỉnh Hà Nam và tài sản gắn liền trên thửa đất này gồm 01 ngôi nhà mái bằng 01 tầng hình chữ L diện tích 60m<sup>2</sup> có tổng giá trị 2.204.580.000 đồng và thửa đất số 39(1), tờ bản đồ PL11, diện tích 276m<sup>2</sup> đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, Bà Dương Thị M, tại Thôn V, xã C, huyện B, tỉnh Hà Nam có giá trị 828.000.000 đồng + thửa đất số 39(3), tờ bản đồ PL11, diện tích 240m<sup>2</sup> đứng tên hộ Bà Dương Thị M, ông Nguyễn Văn B, tại Thôn V, xã C, huyện B, tỉnh Hà Nam có giá trị 720.000.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên là 3.752.580.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn B và Bà Dương Thị M. Ông Nguyễn Văn B được quyền sở hữu, quyền sử dụng 1/2 giá trị khối tài sản chung của vợ chồng gồm 03 thửa đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên là 1.876.290.000đ (một tỷ tám trăm bảy sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

Ngoài ra còn quyết định về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và quyền kháng cáo.

Ngày 17-02-2021, Anh Nguyễn Văn Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐDS-ST ngày 03-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện B, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm

không phân chia xác định tài sản chung của bố mẹ anh là ông B, bà M. Ông B không phạm tội chiếm đoạt tài sản của ông M nên không phải bồi thường cho ông M.

Tại phiên họp, anh Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng phiên họp phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của Anh Nguyễn Văn Đ; phần nội dung của quyết định vẫn giữ nguyên, do Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách pháp lý của người yêu cầu là Chi cục Thi hành án dân sự huyện B là chưa chính xác theo quy định tại Điều 362 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 74 Luật thi hành án dân sự, nay sửa lại thành Chấp hành viên là người yêu cầu; căn cứ điểm b khoản 3 Điều 375 BLTTDS, sửa Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐDS-ST ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện B xác định quan hệ pháp luật là “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án” và thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 9 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng những người này vắng mặt, do đó Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự là đúng quy định tại Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của Anh Nguyễn Văn Đ trong thời hạn luật định và đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm đưa người yêu cầu giải quyết việc dân sự là Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đình Quyết - Chức vụ: Chi cục trưởng; người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Ngọc L - Chức vụ: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện B là chưa chính xác mà phải xác định Chấp hành viên là Bà Phan Thị Ngọc L là người có thẩm quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo quy định tại Điều 362 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 74 Luật thi hành án dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét kháng cáo của Anh Nguyễn Văn Đ, thấy: Thửa đất số 38(1), tờ bản đồ PL11, diện tích 420m<sup>2</sup> có giá 2.100.000.000 đồng; trên thửa đất này ông B, bà M tạo lập được tài sản là ngôi nhà mái bằng 01 tầng hình chữ L có giá 104.580.000 đồng và 01 nhà cấp 4, 01 bể chứa nước đều đã hết khấu hao không còn giá trị sử dụng. Thửa đất số 39(1), tờ bản đồ PL11, diện tích 276m<sup>2</sup> có giá 828.000.000 đồng và thửa đất số 39(3), tờ bản đồ PL11, diện tích 240m<sup>2</sup> có giá 720.000.000 đồng. Ba thửa đất này đều mang tên hộ Bà Dương Thị M, ông Nguyễn Văn B tại Thôn V, xã C, huyện B, tỉnh Hà Nam. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 3.752.580.000 đồng.

Các con của ông B, bà M là chị Đ, anh Đ, anh Th, chị H đều xác định tại thời điểm Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 03 thửa đất nêu trên cho ông B, bà M thì các anh, chị đều đã xây dựng gia đình riêng và đã tách khỏi hộ ông B, bà M nên không có quyền lợi liên quan gì. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 03 thửa đất thì hộ ông B, bà M chỉ có chị M là con của ông bà chưa xây dựng gia đình, đến năm 2012 chị M đi xây dựng gia đình riêng. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 18-12-2020, chị M xác định từ nhỏ chị được bố mẹ nuôi ăn học đến khi trưởng thành, việc bố mẹ chị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tạo lập tài sản như thế nào thì chị không nắm được vì chị không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của bố mẹ chị.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định 03 thửa đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên là tài sản hợp pháp được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn B và Bà Dương Thị M và quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của ông Nguyễn Văn B trong khối tài sản chung gồm: Thửa đất số 38(1), tờ bản đồ PL11, diện tích 420m<sup>2</sup> có giá 2.100.000.000 đồng + 104.580.000 đồng = 2.204.580.000 đồng + thửa đất số 39(1), tờ bản đồ PL11, diện tích 276m<sup>2</sup> có giá 828.000.000 đồng + thửa đất số 39(3), tờ bản đồ PL11, diện tích 240m<sup>2</sup> có giá 720.000.000 đồng, tổng cộng là 3.752.580.000 đồng và xác định phân quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của ông Nguyễn Văn B trong khối tài sản chung của vợ chồng ông B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 362, 366, 369, 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, các Điều 158, 213, 219 của Bộ luật Dân sự. Anh Đ kháng cáo cho rằng ông B không phạm tội chiếm đoạt tài sản của ông M nên không phải bồi thường cho ông M nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Do đó kháng cáo của Anh Nguyễn Văn Đ không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2] Về chi phí tố tụng: Do Chi cục Thi hành án dân sự huyện B đã tự chi trả cho Hội đồng định giá tài sản, Văn phòng đăng ký đất đai và đề nghị chịu toàn bộ số tiền chi phí định giá tài sản, trích đo các thửa đất, không yêu cầu

những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu khoản tiền chi phí tố tụng nên không đặt ra xem xét.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- Lệ phí sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu.

- Lệ phí phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa lại phần người yêu cầu là Bà Phan Thị Ngọc L - chức vụ: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện B nên Anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 375 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Anh Nguyễn Văn Đ; giữ nguyên phần nội dung quyết định giải quyết việc dân sự số: 01/2021/QĐDS-ST ngày 03-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam về việc “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”.

Sửa người yêu cầu giải quyết việc dân sự là Bà Phan Thị Ngọc L - Chức vụ: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35 và các Điều 149, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 74, khoản 4 Điều 179 Luật Thi hành án dân sự; các Điều 158, 213, 219 của Bộ luật Dân sự; các Điều 29, 33, 34 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Bà Phan Thị Ngọc L, chức vụ: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện B về việc xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn B để thi hành án.

2. Xác định: Thửa đất số 38(1), tờ bản đồ PL11, diện tích 420m<sup>2</sup> đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, Bà Dương Thị M, tại Thôn V, xã C, huyện B, tỉnh Hà Nam và tài sản gắn liền trên thửa đất này gồm 01 ngôi nhà mái bằng 01 tầng hình chữ L diện tích 60m<sup>2</sup> có tổng giá trị 2.204.580.000 đồng và thửa đất số 39(1), tờ bản đồ PL11, diện tích 276m<sup>2</sup> đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, Bà Dương Thị M, tại Thôn V, xã C, huyện B, tỉnh Hà Nam có giá trị 828.000.000 đồng + thửa đất số 39(3), tờ bản đồ PL11, diện tích 240m<sup>2</sup> đứng tên hộ Bà Dương Thị M, ông Nguyễn Văn B, tại Thôn V, xã C, huyện B, tỉnh Hà Nam có giá trị 720.000.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên là 3.752.580.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn B và Bà Dương Thị M. Ông Nguyễn Văn B được quyền sở hữu, quyền sử dụng 1/2 giá trị khối tài sản chung của vợ chồng gồm 03 thửa đất và tài sản gắn liền trên đất

nêu trên là 1.876.290.000đ (một tỷ tám trăm bảy sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu.

4. Lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu. Hoàn trả anh Đ tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004270 ngày 18/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đại Cường, huyện B;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Quốc Trưởng**